

Bản án số: 60/2025/HS-PT
Ngày: 06 - 8 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Đức Toàn

Bà Nguyễn Thị Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Nguyệt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 386/2025/TLPT-HS ngày 15 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo Hỷ Ngọc E, Nguyễn Thị K, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2025/HS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh).

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Hỷ Ngọc E, sinh năm 1986 tại Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); Thường trú: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Khu dân cư S, đặc khu C, Thành phố Hồ Chí Minh); C ở: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Khu dân cư S, đặc khu C, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông (không rõ) và bà Hỷ Thị B (sinh năm 1963); Là con út trong gia đình có 02 chị em; Đã ly hôn chồng là Trần Minh P (sinh năm 1988) và có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 19/6/2024, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (nay là Trại tạm giam số 1 – Công an Thành phố H) (có mặt);

2. Nguyễn Thị K, sinh năm 1983 tại Long An (nay là Tây Ninh); Thường trú: Ấp B, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh); Chỗ ở: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Khu dân cư S, đặc khu C, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L (sinh năm 1958) và bà Nguyễn Thị Á (sinh năm

1959); Là con thứ tư trong gia đình có 07 chị em; Có chồng là Nguyễn Song L1 (sinh năm 1983) và 03 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 15/7/2024, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (nay Trại tạm giam số 1 – Công an Thành phố H) (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án:*

1. Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Hỷ Ngọc E (có mặt);

2. Luật sư Hoàng Thị K1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị K (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi của Hỷ Ngọc E:

Hỷ Ngọc E và Huỳnh Ngọc C1 cùng sinh sống tại huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên quen biết nhau. Do trước đây Em vay C1 số tiền 800 triệu đồng nên tháng 5/2022 C1 đòi nợ, E nói chưa có tiền trả. C1 yêu cầu Em đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) thế chấp vay người khác lấy tiền trả nợ, E nói đất đã bán cho người khác thì C1 nói Em làm giả sổ đỏ rồi thế chấp vay tiền trả nợ cho C1 thì E đồng ý. C1 chỉ dẫn Em liên hệ với Nguyễn Thị K (bạn C1) rồi cung cấp hình ảnh sổ đỏ số seri CP 952690 đối với thửa số 31 tờ bản đồ số 9 diện tích 165,8m² tại đường N, huyện C do Em đứng tên (đã chuyển nhượng cho người khác) để nhờ K làm giả sổ đỏ. Thông qua tài khoản “SHOP” trên mạng xã hội Zalo, K thuê người đàn ông (không rõ lai lịch) làm giả 04 sổ đỏ có thông tin như sổ thật đứng tên Em chủ đất với giá 8.000.000 đồng/sổ.

Sau khi có sổ đỏ giả, E đã dùng thủ đoạn sử dụng để thế chấp vay tiền nhưng thực chất là lừa dối chiếm đoạt tiền của người nhận cầm cố.

Cụ thể:

- Lần 1: Sau khi K nhận sổ đỏ giả đầu tiên (Q) đã điện thoại cho C1 thông báo Em đến nhận. Em thấy sổ đỏ giả này không giống với sổ đỏ thật nên không nhận mà yêu cầu K làm lại (sổ đỏ giả này vẫn để lại nhà C1). Tuy nhiên, ngày 27/5/2022, E lại đến nhà C1 lấy sổ đỏ giả này rồi gian dối cầm cố cho bà Trần Thị Thúy H1 (sinh năm 1984, trú tại Khu dân cư S, huyện C) để vay 500 triệu đồng, lãi suất 18%/năm. Tin tưởng là thật nên bà H1 nhận cầm cố sổ đỏ giả, giao 500 triệu đồng cho em vay mà không biết thực chất đã bị E lừa dối chiếm đoạt.

- Lần 2: Ngày 31/5/2022, K nhận được 01 sổ đỏ giả mà Em yêu cầu làm lại (qua bưu điện) đã điện thoại cho C1 thông báo Em đến nhận. Em đưa cho C1 số tiền 8 triệu đồng nhờ trả cho K rồi lấy sổ đỏ giả đem về nhà cất giấu. Khoảng đầu tháng 6/2022, E gian dối đem sổ đỏ giả này cầm cố cho bà Nguyễn Tuyết N (sinh năm 1959; trú tại Khu dân cư S, huyện C) để vay 100 triệu đồng, lãi suất 6%/tháng. Tin tưởng là thật nên bà N nhận cầm cố sổ đỏ giả, giao 100 triệu đồng cho Em vay mà không biết thực chất đã bị E lừa dối chiếm đoạt.

- Lần 3: Khoảng tháng 12/2022, thông qua C1 làm môi giới, E tiếp tục nhờ K làm giả thêm 02 sổ đỏ (có thông tin giống sổ đỏ các lần trước) với giá 8 triệu đồng/sổ đem về nhà cất giấu. Ngày 03/02/2023, Em gian dối đem 01 sổ đỏ giả cầm cố cho ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1971, trú tại Khu dân cư S) để vay 500 triệu đồng, lãi suất 7%/tháng. Tin tưởng là thật nên ông T nhận cầm cố sổ đỏ giả, giao 500 triệu đồng cho Em vay mà không biết thực chất đã bị E lừa dối chiếm đoạt.

- Lần 4: Ngày 30/3/2023, Em gian dối đem 01 sổ đỏ giả cầm cố cho bà Nguyễn Tuyết N (có thông tin như trên) để vay 100 triệu đồng, lãi suất 6%/tháng. Tin tưởng là thật nên bà N nhận cầm cố sổ đỏ giả, giao 100 triệu đồng cho Em vay mà không biết thực chất đã bị E lừa dối chiếm đoạt.

- Lần 5: Sau khi lừa đảo chiếm đoạt có tiền, E đã trả hết tiền cho bà N ở lần vay trước (lần 2) để chuộc sổ đỏ giả đem về nhà cất giấu. Đến ngày 05/4/2023, Em gian dối đem sổ đỏ giả này cầm cố cho ông Nguyễn Huy C2 (sinh năm 1973; trú tại Khu dân cư S, huyện C) để vay 300 triệu đồng, lãi suất 2%/tháng. Tin tưởng là thật nên ông C2 nhận cầm cố sổ đỏ giả, giao 100 triệu đồng cho Em vay mà không biết thực chất đã bị E lừa dối chiếm đoạt.

Tổng hợp chung: Hỷ Ngọc E đã nhờ Nguyễn Thị K thuê làm giả 04 sổ đỏ với giá 8 triệu đồng/sổ. Sau đó, Em gian dối đem 04 sổ đỏ giả cầm cố vay tiền nhưng thực chất là lừa dối chiếm đoạt tiền của người nhận cầm cố. Kết quả, Em đã lừa dối chiếm đoạt hoàn thành 500 triệu đồng của bà H1, chiếm đoạt hoàn thành 200 triệu đồng của bà N, chiếm đoạt hoàn thành 500 triệu đồng của ông T, chiếm đoạt hoàn thành 300 triệu đồng của ông C2. Tổng số tiền E chiếm đoạt đã hoàn thành là 1,5 tỷ đồng.

2. Hành vi của Nguyễn Thị K:

Nguyễn Thị K là bạn của Huỳnh Ngọc C1, bản thân K biết rõ động cơ, mục đích của các Huỳnh Ngọc C1 và Hỷ Ngọc E nhờ làm giả sổ đỏ để đem cầm cố vay tiền nhưng thực chất là lừa dối chiếm đoạt tiền của người nhận cầm cố. Thế nhưng, K vẫn tiếp nhận ý chí, tạo điều kiện cho E, C1 bằng cách thuê đối tượng trên mạng xã hội Zalo làm giả 08 (tám) sổ đỏ với giá 8 triệu đồng/sổ rồi giao cho C1, E sử dụng làm công cụ phương tiện để lừa dối chiếm đoạt tiền của 06 (sáu) bị hại cá nhân (bà H1, bà N, ông T, ông C2, bà T1, bà H2) với tổng số tiền 2,45 tỷ đồng.

Tại Kết luận giám định số 149/KL-KTHS-TL ngày 31/10/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B đối với các sổ đỏ thu giữ được xác định:

“1. Phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần giám định (ký hiệu A1) là thật.

2. Phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cần giám định (ký hiệu từ 42 đến 49) là giả.

3. Chữ ký mang tên Nguyễn Văn D1 trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký mang tên Nguyễn Văn D1 trên mẫu so sánh (ký hiệu từ 12 đến M6) do cùng một người ký ra.

4. Chữ ký mang tên Nguyễn Văn D1 trên mẫu cần giám định (ký hiệu từ 42 đến 45) so với chữ ký mang tên Nguyễn Văn D1 trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M2 đến M6) không phải do cùng một người ký ra.

5. Hình dấu Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với hình dấu Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trên mẫu so sánh (ký hiệu M6) do cùng một con dấu đóng ra.

6. Hình dấu Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với hình dấu Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M2 đến M5) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

7. Hình dấu Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trên mẫu cần giám định (ký hiệu từ A2 đến 45) không phải do con dấu Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có hình dấu mẫu trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M2 đến M) đóng ra.

8. Chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc L2 trên mẫu cần giám định (ký hiệu từ 46 đến 49) so với chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc L2 trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M7 đến M11) không phải do cùng một người ký ra.

9. Hình dấu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B trên mẫu cần giám định (ký hiệu từ 46 đến 49) so với hình dấu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M7 đến M11) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

10. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị S trên mẫu cần giám định (ký hiệu từ 46 đến 49) so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị S trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M12 đến M16) không phải do cùng một người ký ra.

11. Hình dấu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trên mẫu cần giám định (ký hiệu từ 46 đến 49) so với hình dấu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M12 đến M16) không phải do cùng một con dấu đóng ra” (BL73, 74).

Tại Cáo trạng số 122/CT-VKSBRVT-P2 ngày 26/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố các bị cáo Hỷ Ngọc E, Nguyễn Thị K về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 33/2025/HS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

Tuyên bố: các bị cáo Hỷ Ngọc E, Nguyễn Thị K phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hỷ Ngọc E 13 (Mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hỷ Ngọc E 03 (Ba) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Hỷ Ngọc E phải chấp hành là 16 (Mười sáu) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/6/2024.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 04 (B1) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Thị K phải chấp hành là 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Ngọc C1, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 15/4/2025, bị cáo Nguyễn Thị K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xem xét lại tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Ngày 22/4/2025, bị cáo Hỷ Ngọc E kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hỷ Ngọc E xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Nguyễn Thị K vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với lý do bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho C1 và Em, không được hưởng lợi.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Bị cáo K biết rõ mục đích động cơ của bị cáo C1, E là dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để cầm cố chiếm đoạt tiền của các bị hại, nhưng bị cáo vẫn giúp sức cho 02 bị cáo làm giả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức án xử phạt bị cáo là có căn cứ, tương xứng hành vi phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo K.

Đối với bị cáo E: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã rút kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị K phát biểu: Trong vụ án này, bị cáo K chỉ giữ vai trò giúp sức và không có hưởng lợi. Bị cáo có hoàn cảnh gia

đình khó khăn, gia đình bị cáo có người có công cách mạng, bản thân bị cáo đã ăn năn hối cải. Ngoài ra, về tội danh thì bị cáo chỉ có 1 hành vi làm giả giấy tờ đã bị xử lý về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ xử lý hành vi của bị cáo về 01 tội danh và giảm hình phạt cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hỷ Ngọc E đã xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét, việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo theo quy định tại Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị K như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên từ tháng 5/2022 đến tháng 12/2022, Hỷ Ngọc E và Huỳnh Ngọc C1 cung cấp thông tin cá nhân, thông tin đất đai trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thật) nhờ bị cáo Nguyễn Thị K thuê đối tượng (không rõ lai lịch) trên mạng xã hội Zalo làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ). Sau đó, các bị cáo gian dối đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cầm cố vay tiền nhưng thực chất là lừa dối chiếm đoạt tiền của người nhận cầm cố, trong đó bị cáo Nguyễn Thị K đã tiếp nhận ý chí, giúp sức tạo ra 08 (Tám) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả là công cụ phương tiện để Em, C1 lừa dối chiếm đoạt tiền của người nhận cầm cố tổng số 2.450.000.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo trong vụ án đồng thời xâm phạm đến hai khách thể bảo vệ của Luật hình sự là quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân và hoạt động đúng đắn trong quản lý hành chính, uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bị cáo Nguyễn Thị K:

Hành vi của bị cáo K đã giúp sức cho hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của các bị cáo trong vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến hai khách thể được pháp luật bảo vệ là quyền sở hữu tài sản của công dân, hoạt động đúng đắn trong quản lý hành chính và uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức; thể hiện ý thức coi thường pháp luật; ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội của địa phương; gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần thiết phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Khi xem xét quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52; các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này, bị cáo K phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền mà C1 và E đã chiếm đoạt với vai trò đồng phạm do có hành vi giúp sức; bị cáo không được hưởng lợi số tiền chiếm đoạt, nên Bản án sơ thẩm đã không buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại. Mặt khác, bị cáo K là người làm thuê cho bị cáo C1, nên việc thực hiện hành vi phạm tội có phần do bị lệ thuộc; bị cáo không được C1 và E chia phần, hưởng lợi; các bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường. Các bị cáo đồng phạm với vai trò gián đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc, phân công trách nhiệm trong việc chiếm đoạt tiền của các bị hại; trong đó, bị cáo Huỳnh Ngọc C1 và Hỷ Ngọc E giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo Nguyễn Thị K đóng vai trò giúp sức để thực hiện tội phạm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo K mức hình phạt gần tương đương với các bị cáo giữ vai trò chính và trực tiếp hưởng lợi từ số tiền chiếm đoạt là chưa đảm bảo tính công bằng trong việc áp dụng hình phạt đối với các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51, và khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo K.

[4] Đối với nội dung mà người bào chữa của bị cáo nêu ra về việc đề nghị xem xét xử lý hành vi của bị cáo chỉ đủ yếu tố cấu thành 01 tội danh, thì quá trình giải quyết vụ án đã xác định hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hai khách thể được pháp luật bảo vệ. Do đó, việc điều tra, truy tố, xét xử của cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đối với hành vi của bị cáo K là có căn cứ. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm hình phạt, nên nội dung người bào chữa nêu ra là không được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[6] Các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Hỷ Ngọc E. Phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 33/2025/HS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) đối với bị cáo Hỷ Ngọc E có hiệu lực pháp luật.

II. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị K;

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 33/2025/HS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh);

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị K phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, khoản 2 Điều 54, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 10 (M) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 04 (B1) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Thị K phải chấp hành là 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2024.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

2. Các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

III. Các bị cáo Hỷ Ngọc E, Nguyễn Thị K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- TTG số 1 – CA TP.HCM;
- (Tổng đạt cho bị cáo (2))
- Lưu (10) 24b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên